

Án số: 56/2022/HNGĐ-ST
Ngày 06 - 5 - 2022
V/v chị H xin L hôn A A

**NHÂN DA
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH N

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Xuân Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Vui

2. Ông Đàm Văn Kiều

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Trọng Ích - Thư ký Toà án nhân dân huyện N tỉnh N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh N tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Linh - Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2022, về vụ án tranh chấp xin L hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2022/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Chị Đoàn Thị H - Sinh năm 1989

Địa chỉ: Xóm Tràng Sinh, xã N, huyện N, tỉnh N.

+ Bị đơn: A Nguyễn Văn A - Sinh năm 1983

Địa chỉ: Xóm Tràng Sinh, xã N, huyện N, tỉnh N.

Tại phiên tòa có mặt chị H, vắng mặt A A.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện lập ngày 03/01/2022 cũng như lời khai của chị Đoàn Thị H trong quá trình giải quyết trình bày: Chị kết hôn với A Nguyễn Văn A vào tháng 9/2007, trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh N. Sau khi kết hôn, chị và A A chung sống H thuận, hạnh phúc đến tháng 6/2018 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân là do hai bên bất đồng quan điểm sống, anh A thường xuyên uống rượu và chửi chị. Hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên giải nhưng anh A không thay đổi nên quan hệ tình cảm vợ chồng không được cải thiện. Từ tháng 8/2021 đến nay chị và A A sống L thân nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa

chị và anh A là không còn nên chị xin được L hôn anh Nguyễn Văn A. Về con chung giữa chị và anh Nguyễn Văn A có hai con chung là Nguyễn Thị Linh L sinh ngày 03/9/2008 và Nguyễn Văn H sinh ngày 06/7/2010, hiện cháu H đang do chị nuôi dưỡng còn cháu L đang do anh A nuôi dưỡng. Nay chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, còn cháu L để anh A nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung giữa chị và anh Nguyễn Văn A thì chị không yêu cầu giải quyết. Về án phí, chị đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa anh Nguyễn Văn A vắng mặt nhưng anh A có lời khai trong quá trình giải quyết trình bày đúng như lời khai của chị Đoàn Thị H về quá trình kết hôn và sống chung giữa anh và chị H. Sau khi kết hôn, anh và chị H chung sống hòa thuận, không có mâu thuẫn gì lớn, thỉnh thoảng vợ chồng có xảy ra xô sát. Nay chị H có đơn xin L hôn anh thì A không muốn L hôn, nếu chị H nhất quyết xin L hôn A thì tùy chị H, anh không có ý kiến gì. Về con chung giữa anh và chị Đoàn Thị H có hai con chung là Nguyễn Thị Linh L sinh ngày 03/9/2008 và Nguyễn Văn H sinh ngày 06/7/2010. Hiện nay cháu L đang do anh nuôi dưỡng, còn cháu H đang do chị H nuôi dưỡng. Nếu phải L hôn thì anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Nếu cháu H muốn ở với chị H thì anh cũng nhất trí và anh xin nhận trực tiếp nuôi cháu L. Về tài sản chung giữa anh và chị Đoàn Thị H thì anh không yêu cầu giải quyết. Về án phí, anh đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Do điều kiện công việc bận A không tham gia phiên tòa được nên anh đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng, qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán thụ lý giải quyết cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 6; 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: xử L hôn chị Đoàn Thị H và anh Nguyễn Văn A. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Văn H sinh ngày 06/7/2010 cho chị Đoàn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng; Giao cháu Nguyễn Thị Linh L sinh ngày 03/9/2008 cho anh Nguyễn Văn A trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về án phí dân sự sơ thẩm, đề nghị tuyên chị H phải nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và trên cơ sở tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Đoàn Thị H và anh Nguyễn Văn A đều cư trú tại xã Ni, huyện N, tỉnh N, nay chị H có đơn xin L hôn anh A và Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng thụ lý giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa anh Nguyễn Văn A vắng mặt nhưng anh A đã có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng xét xử vắng mặt anh A là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa chị Đoàn Thị H và anh Nguyễn Văn A được tổ chức kết hôn vào tháng 9/2007, trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Nghĩa Lợi, là một hôn nhân tự do, tiến bộ và có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, chị H và anh A chung sống hòa thuận đến tháng 6/2018 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân do hai bên không hợp tính nhau. Hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên giải nhưng quan hệ tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh A không được cải thiện. Từ tháng 11/2018 đến nay chị H và anh A sống L thân nhau. Trên thực tế mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh A đã kéo dài và ngày một trầm trọng, hôn nhân đã tan vỡ, mục đích hôn nhân không đạt được, nay chị H xin được L hôn anh A nên chấp nhận là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Đoàn Thị H và anh Nguyễn Văn A có hai con chung là cháu Nguyễn Thị Linh L sinh ngày 03/9/2008 và cháu Nguyễn Văn H sinh ngày 06/7/2010, hiện cháu L đang do anh A nuôi dưỡng, cháu H đang do chị H nuôi dưỡng. Nay chị H đề nghị giải quyết chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H còn cháu L để anh A trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung thấy là phù hợp với nguyện vọng của cháu H cũng như đề nghị của anh A nên chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Chị Đoàn Thị H và anh Nguyễn Văn A không yêu cầu giải quyết về tài sản chung của anh chị nên không đặt ra xem giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm, chị Đoàn Thị H phải nộp theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Thấy đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng về việc giải quyết vụ án là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 56; 81; 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 147; 271 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 6; 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1- Xử L hôn chị Đoàn Thị H và anh Nguyễn Văn A.

2- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Văn H sinh ngày 06/7/2010 cho chị Đoàn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng (hiện cháu Nguyễn Văn H đang do chị Đoàn Thị H chăm sóc, nuôi dưỡng). Giao cháu Nguyễn Thị Linh L sinh ngày 03/9/2008 cho anh Nguyễn Văn A trực tiếp nuôi dưỡng (hiện cháu Nguyễn Thị Linh L đang do A Nguyễn Văn A chăm sóc, nuôi dưỡng). Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Không ai được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung.

3- Án phí dân sự sơ thẩm, chị Đoàn Thị H phải nộp 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị Đoàn Thị H đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 00001328 ngày 10/01/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nghĩa Hưng. Chị Đoàn Thị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị H vắng mặt anh A. Báo cho người có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh N
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS h. N;
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Trần Xuân Dũng